

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Năm 2016



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Vũ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08) 38205.944 - (08) 38205.947; Fax: (08) 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	11 - 33

11/2016
CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC
HỌ TÊN VÀ
CHỨC VỤ
KẾ TOÁN
A NAM
PHÓ CHỦ TỊCH

0300402883
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỆT MAY
THĂNG LỢI
TÂN PHÚ - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Dệt May Thắng Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty Cổ Phần Dệt May Thắng Lợi là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt May Thắng Lợi theo Quyết định số 1316/QĐ-TCCB ngày 11/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300402983 (Số cũ là 4103004979) đăng ký lần đầu ngày 06/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2016 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư Tp.HCM cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Sản xuất, kinh doanh, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú; trừ tây, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng nhà các loại; Sản xuất sợi (trừ tây, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng); Sản xuất vải dệt thoi (trừ tây, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng); Hoàn thiện sản phẩm dệt (trừ tây, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng); Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Sản xuất giày dép (trừ tây, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da tại trụ sở); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo, chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Vốn điều lệ của Công ty là: 565.000.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn)

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Oai	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên
Bà Vương Hoàng Thảo Linh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên
Ông Anthony William House	Thành viên
Ông Trần Văn Việt	Thành viên
Ông Vũ Duy Lam	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Thông	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Hân	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn An Cư	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Anh Minh	Thành viên
Bà Lê Hoàng Thanh Thảo	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Thông

Số: 09/BCKT/TC/2017/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*(Về Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Công ty Cổ Phần Dệt May Thăng Lợi)*

Kính gửi: - **Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
- **Công ty Cổ Phần Dệt May Thăng Lợi.**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ Phần Dệt May Thăng Lợi** được lập ngày 16 tháng 01 năm 2017 từ trang 07 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Đơn vị cho Công ty TNHH Đầu Tư Địa Ốc Điện Phước Long vay số tiền: 412.400.000.000 đồng với lãi suất 7%/ năm theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2014 ngày 01/12/2014 của Công ty CP Dệt May Thăng Lợi (khoản vay được đảm bảo bằng 41.141.900 cổ phiếu của đơn vị thuộc sở hữu của bên đi vay) tới thời điểm phát hành BCKT này, bên đi vay đã hoàn trả được số tiền là: 121,5 tỷ đồng; Theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài Chính "...Công ty đại chúng không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.". Việc công ty cho Công ty TNHH Đầu Tư Địa Ốc Điện Phước Long là cổ đông lớn của công ty với tỷ lệ sở hữu trên 70 % vốn điều lệ vay như đã nêu trên là không đúng với quy định tại thông tư này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Dệt May Thăng Lợi tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 7. tháng 3. năm 2017
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Số Giấy CN DKHN kiểm toán: 0479-2013-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN DKHN kiểm toán: 1858-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		362.539.111.547	423.561.305.289
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.437.460.807	1.541.108.892
1. Tiền	111		2.053.252.473	537.775.559
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.384.208.334	1.003.333.333
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		311.949.357.370	412.760.120.752
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18.358.117.370	42.064.755.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	84.500.000	237.475.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	290.900.000.000	367.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	2.606.740.000	3.057.890.452
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.152.293.370	9.260.075.645
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ (*)	152		5.043.892.739	9.151.675.014
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	108.400.631	108.400.631
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		53.650.882.194	64.810.080.048
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		5.059.887.147	25.911.761.340
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	5.059.887.147	25.911.761.340
- Nguyên giá (*)	222		70.263.514.673	264.737.206.565
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(65.203.627.526)	(238.825.445.225)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	13.744.005.834	13.744.005.834
- Nguyên giá	231		13.744.005.834	17.487.605.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			(3.743.600.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.621.989.213	10.303.932.874
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	27.621.989.213	10.303.932.874
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.220.000.000	14.845.380.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2a	7.220.000.000	12.645.380.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b		2.200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		416.189.993.741	488.371.385.337

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300			
I. Nợ ngắn hạn	310		95.895.408.682	167.555.297.573
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	87.735.408.682	136.691.673.073
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	55.517.167.255	99.045.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	313	V.13	862.765.363	1.286.779.592
4. Phải trả người lao động	314	V.14	6.333.010	709.354.866
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		774.593.366	969.142.260
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	30.364.708.864	29.471.555.531
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10a		5.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.16b	209.840.824	209.840.824
II. Nợ dài hạn	330		8.160.000.000	30.863.624.500
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	1.560.000.000	9.390.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10b	6.600.000.000	21.473.624.500
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		320.294.585.059	320.816.087.764
I. Vốn chủ sở hữu	410		320.294.585.059	320.816.087.764
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	565.000.000.000	565.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		565.000.000.000	565.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(120.000.000)	(120.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(244.585.414.941)	(244.063.912.236)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (*)	421a		(244.063.912.236)	(134.828.090.387)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này (*)	421b		(521.502.705)	(109.235.821.849)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		416.189.993.741	488.371.385.000

Ghi chú: (*) Các chỉ tiêu này đã được trình bày lại số dư đầu năm. Chi tiết xem ở mục VIII (Số liệu so sánh)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2017
Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng

Nguyễn Thị Hồng

CÔNG TY
CÓ PHẦN
DỆT MAY
THĂNG LỢI
TÂN PHÚ - TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	75.435.498.282	58.057.239.926
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		75.435.498.282	58.057.239.926
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	41.369.911.898	51.275.459.867
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		34.065.586.384	6.781.780.059
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.919.724.986	2.713.942.535
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.793.551.765	2.200.950.496
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		719.988.356	703.340.410
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	36.679.278.442	42.966.603.892
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(7.487.518.837)	(35.671.831.794)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	10.603.016.132	(73.455.969.861)
12. Chi phí khác	32	VI.6	3.637.000.000	108.020.594
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.966.016.132	(73.563.990.055)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(521.502.705)	(109.235.821.849)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.10	(521.502.705)	(109.235.821.849)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(9)	(1.933)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Ghi chú: (*) Các chỉ tiêu này đã được trình bày lại số dư đầu năm. Chi tiết xem ở mục VIII (Số liệu so sánh)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng

THĂNG LỢI
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỆT MAY
THĂNG LỢI
NGUYỄN MẠNH THÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

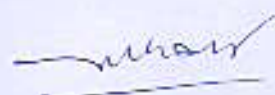
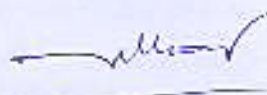
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(521.502.705)	(109.235.821.849)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.661.585.142	58.063.730.487
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		448.183.409	756.498.159
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		13.158.904.704	(2.713.145.476)
- Chi phí lãi vay	06		719.988.356	703.340.410
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.467.158.906	(52.425.398.269)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.493.820.953	(728.392.786)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(52.954.436.156)	15.286.020.248
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		12.913.937.377	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.567.374.500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(32.646.893.421)	(37.867.770.807)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.712.250.000)	(4.624.432.873)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.830.000.000	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		76.500.000.000	45.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.625.380.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		300.115.336	2.995.415.476
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		81.543.245.336	43.370.982.603
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.500.000.000	17.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.500.000.000)	(30.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.000.000.000)	(13.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		43.896.351.915	(7.496.788.204)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.541.108.892	9.037.463.406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			433.690
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	45.437.460.807	1.541.108.892

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Người lập biên
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Hồng

10



Nguyễn Mạnh Thông

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Dệt May Thăng Lợi là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt May Thăng Lợi theo Quyết định số 1316/QĐ-TCCB ngày 11/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300402983 (Số cũ là 4102004979) đăng ký lần đầu ngày 06/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2016 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư Tp.HCM cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 565.000.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn)

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú; trừ tây, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng nhà các loại; Sản xuất sợi (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng); Sản xuất vải dệt thoi (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng); Hoàn thiện sản phẩm dệt (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng); Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Sản xuất giày dép (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da tại trụ sở); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

3.1 Chứng khoán kinh doanh:

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.3 Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.4 Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

6.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

6.2 Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

Thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê tài chính được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6.3 Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

7.1 Tài sản đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm, dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

7.2 Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải trả gánh chịu.

8. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập} \\ \text{hoãn lại phải trả} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chênh lệch tạm} \\ \text{thời chịu thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp hiện hành (\%)} \end{array}$$

Trường hợp tại thời điểm ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã biết trước có sự thay đổi về thuế suất thuế TNDN trong tương lai, nếu việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới đã có hiệu lực thì thuế suất áp dụng để ghi nhận thuế hoãn lại phải trả được tính theo thuế suất mới.

Cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả và Chênh lệch tạm thời:

- Cơ sở tính thuế của tài sản là giá trị sẽ được trừ khỏi thu nhập chịu thuế khi thu hồi giá trị ghi sổ của tài sản. Nếu thu nhập không phải chịu thuế thì cơ sở tính thuế của tài sản bằng giá trị ghi sổ của tài sản đó. Cơ sở tính thuế của nợ phải trả là giá trị ghi sổ của nó trừ đi (-) giá trị sẽ được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế khi thanh toán nợ phải trả trong các kỳ tương lai. Đối với doanh thu nhận trước, cơ sở tính thuế là giá trị ghi sổ của nó, trừ đi phần giá trị của doanh thu không phải chịu thuế trong tương lai.

- Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó. Chênh lệch tạm thời gồm 2 loại: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chênh lệch tạm thời chịu thuế là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh khoản thuế thu nhập phải trả khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán.

+ Chênh lệch tạm thời về thời gian chỉ là một trong các trường hợp chênh lệch tạm thời, ví dụ: Nếu lợi nhuận kế toán được ghi nhận trong kỳ này nhưng thu nhập chịu thuế được tính trong kỳ khác.

- Các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả so với cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó có thể không phải là chênh lệch tạm thời về mặt thời gian, ví dụ: Khi đánh giá lại một tài sản thì giá trị ghi sổ của tài sản thay đổi nhưng nếu cơ sở tính thuế không thay đổi thì phát sinh chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên thời gian thu hồi giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế không thay đổi nên chênh lệch tạm thời này không phải là chênh lệch tạm thời về thời gian.

+ Kế toán không tiếp tục sử dụng khái niệm "Chênh lệch vĩnh viễn" để phân biệt với chênh lệch tạm thời khi xác định thuế thu nhập hoãn lại do thời gian thu hồi tài sản hoặc thanh toán nợ phải trả cũng như thời gian để khấu trừ tài sản và nợ phải trả đó vào thu nhập chịu thuế là hữu hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải xác định các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm hiện tại làm căn cứ xác định số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trong năm.

Việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nay với số thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được ghi giảm (hoàn nhập), theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoãn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi nhận bổ sung số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh lớn hơn số được hoãn nhập trong năm;

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoãn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi giảm (hoàn nhập) số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh nhỏ hơn số được hoãn nhập trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm không liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu phải được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm.

Kế toán phải ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế không còn ảnh hưởng tới lợi nhuận tính thuế (khi tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán).

Việc bù trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ thực hiện khi lập Bảng cân đối kế toán, không thực hiện khi ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trên sổ kế toán.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

12.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

12.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

14.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

14.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

14.4 Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

15.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

15.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

15.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bãi; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

17.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17.2 Thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt	35.802.108	104.019.855
* Tiền gửi ngân hàng	2.017.450.365	433.755.704
- Tiền gửi ngân hàng - VND	2.003.051.068	419.070.261
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN - TP. HCM	1.847.610.862	64.162.582
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN - TP. HCM	114.851.093	335.474.855
- Ngân hàng TMCP An Bình	40.589.113	19.432.824
- Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ - USD	14.399.297	14.685.443
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN. TP. HCM (# 640.94 USD)	14.399.297	14.685.443
* Các khoản tương đương tiền	43.384.208.334	1.003.333.333
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN TP. HCM (Kỳ hạn 01 tháng)	23.011.466.667	
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư & PT Việt Nam - CN. Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Kỳ hạn 01 tháng)	20.372.741.667	1.003.333.333
Cộng	45.437.460.807	1.541.108.892

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng (CP)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết							
* Góp vốn liên doanh							
- Công ty Liên Doanh May Vigawell Việt Nam (chiếm 40% /Vốn pháp định tương đương 340.000,00 USD)		7.220.000.000	7.220.000.000		12.645.380.000	12.645.380.000	
* Góp vốn vào công ty liên kết							
- Công ty Cổ Phần Dệt Quốc Tế Thắng Lợi (chiếm 20% / Vốn điều lệ)	200.000	7.220.000.000	7.220.000.000		5.425.380.000	5.425.380.000	
- Công ty Cổ Phần Sợi Quốc Tế Thắng Lợi (chiếm 20% / Vốn điều lệ)	522.000	2.000.000.000	2.000.000.000		5.425.380.000	5.425.380.000	
b- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
- Công ty Cổ Phần May Quốc Tế Thắng Lợi (chiếm 13% / Vốn điều lệ)		5.220.000.000	5.220.000.000		7.220.000.000	7.220.000.000	
Cộng		7.220.000.000	7.220.000.000		2.200.000.000	2.200.000.000	
					2.200.000.000	2.200.000.000	
					14.845.380.000	14.845.380.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**a- Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

- Lai Shing Hong Limited
- Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Quốc Tế Hàn Việt
- Công ty TNHH MTV TMDV Hùng Thiên Lộc
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Phong Phú

b- Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

- Công ty Cổ Phần Bất động sản Thăng Lợi
- Công ty Cổ Phần Sợi Quốc Tế Thăng Lợi

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
88.117.370	4.264.755.300
	4.078.131.840
88.117.370	104.618.360
	14.355.100
	23.650.000
	44.000.000
18.270.000.000	37.800.000.000
	37.800.000.000
18.270.000.000	
18.358.117.370	42.064.755.300

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN*** Trả trước cho người bán ngắn hạn**

- Công ty Cổ Phần thông Tin & Thẩm Định Giá Miền Nam (SIVC)
- Công ty Cổ Phần Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty In Tài Chính
- Văn Phòng Luật Sư Nguyễn Văn Hậu & Cộng Sự

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
84.500.000	237.475.000
35.000.000	35.000.000
49.500.000	
	2.475.000
	200.000.000
84.500.000	237.475.000

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY*** Phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên có liên quan**

- Công ty TNHH Đầu Tư Địa Ốc Điền Phước Long

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
290.900.000.000	367.400.000.000
290.900.000.000	367.400.000.000

6. PHẢI THU KHÁC**a- Phải thu ngắn hạn khác***** Phải thu ngắn hạn khác là các bên có liên quan**

- Công ty Cổ Phần Sợi Quốc Tế Thăng Lợi
- Công ty Cổ Phần May Quốc Tế Thăng Lợi
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Thăng Lợi

*** Phải thu ngắn hạn khác**

- Phòng Hành Chính Nhân Sự

b- Phải thu dài hạn khác*** Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn**

- Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
2.606.740.000		3.057.890.452	
2.582.240.000		3.057.890.452	
2.192.400.000		2.584.800.000	
389.840.000		389.840.000	
		83.250.452	
24.500.000			
24.500.000			
5.000.000		5.000.000	
5.000.000		5.000.000	
5.000.000		5.000.000	
2.611.740.000		3.062.890.452	

7. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN*** Xây dựng cơ bản dở dang**

- Dự án đất Thăng Lợi

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
27.621.989.213	10.303.932.874
27.621.989.213	10.303.932.874
27.621.989.213	10.303.932.874

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	90.147.096.403	159.086.490.330	12.692.506.046	2.811.113.786	264.737.206.565
- Mua trong năm					
- Cải tạo sửa chữa					
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	34.325.550.000	151.321.408.480	8.795.987.411	30.746.001	194.473.691.892
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	55.821.546.403	7.765.081.850	3.896.518.635	2.780.367.785	70.263.514.673
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	78.552.928.482	146.241.853.226	11.219.549.731	2.811.113.786	238.825.445.225
- Khấu hao trong năm	1.042.598.563	3.346.846.331	305.962.056		4.695.406.950
- Tăng khác	1.966.178.192				1.966.178.192
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	30.077.311.115	142.022.990.023	8.152.355.702	30.746.001	180.283.402.841
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	51.484.394.122	7.565.709.534	3.373.156.085	2.780.367.785	65.203.627.526
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	11.594.167.921	12.844.637.104	1.472.956.315		25.911.761.340
2. Tại ngày cuối năm	4.337.152.281	199.372.316	523.362.550		5.059.887.147

9. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	17.487.605.834		3.743.600.000	13.744.005.834
- Nhà cửa, vật kiến trúc	17.487.605.834		3.743.600.000	13.744.005.834
Giá trị hao mòn lũy kế	3.743.600.000		3.743.600.000	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	3.743.600.000		3.743.600.000	
Giá trị còn lại	13.744.005.834			13.744.005.834
- Nhà cửa, vật kiến trúc	13.744.005.834			13.744.005.834

Danh mục bất động sản đầu tư bao gồm:

- Showroom Thăng Lợi

Cộng

Nguyên giá

13.744.005.834

13.744.005.834

Hao mòn lũy kế

Giá trị còn lại

13.744.005.834

13.744.005.834

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Địa chỉ: Số 62 Trương Chính, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Vay ngắn hạn						
* Vay ngắn hạn						
- Công ty Cổ Phần Dầu Từ BIVI			3.500.000.000	8.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
* Vay ngắn hạn các bên liên quan			3.500.000.000	3.500.000.000		
- Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Lợi			3.500.000.000	3.500.000.000		
b- Vay dài hạn						
* Nợ dài hạn						
- Công ty TNHH Ô Tô Ngời Sơn				5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Liên hiệp HTX Thương Mại TP.HCM				5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	6.600.000.000	6.600.000.000	3.500.000.000	14.873.624.500	21.473.624.500	21.473.624.500
	6.600.000.000	6.600.000.000		14.873.624.500	14.873.624.500	14.873.624.500
	6.600.000.000	6.600.000.000	3.500.000.000	23.373.624.500	26.473.624.500	26.473.624.500

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH An Hòa Sơn	17.167.255	17.167.255	2.245.000.000	2.245.000.000
- Các khách hàng khác			2.215.000.000	2.215.000.000
- Công ty TNHH MTV DV Công ích Quận Tân Bình			30.000.000	30.000.000
- Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam	12.600.000	12.600.000		
b- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Thăng Lợi	4.567.255	4.567.255		
	55.500.000.000	55.500.000.000	96.800.000.000	96.800.000.000
Cộng	55.517.167.255	55.517.167.255	99.045.000.000	99.045.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Địa chỉ: Số 02 Trương Chính, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC*a- Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

- Công ty Cổ Phần SX TM Đầu Tư Phát Triển Nam Phú

- Công ty Cổ Phần Dân Tư Phát Triển Quốc Tế Thăng Lợi

- Công ty TNHH Quốc Tế Việt Trung

- Công ty TNHH Thương Mại Ánh Dương Vàng

- Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Đức Khang

- Công ty TNHH Thương Mại Tân Phát

- Hộ kinh doanh Nguyễn Hữu Trường

b- Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan

- Công ty Cổ Phần Dệt Quốc Tế Thăng Lợi

- Công ty Cổ Phần May Quốc Tế Thăng Lợi

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
470.765.363	545.750.000
16.575.363	100.000.000
430.000.000	430.000.000
	1.875.000
	1.125.000
21.890.000	8.525.000
	2.750.000
2.300.000	1.475.000
392.000.000	741.029.592
392.000.000	565.029.592
	176.000.000
862.765.363	1.286.779.592

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NỘP NHÀ NƯỚC**I. Thuế**

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế tài nguyên (tước giảm)
- Thuế môn bài

II. Các khoản phải nộp khác

- Tiền thuế đất
- Phí khác

Cộng

Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
108.400.631	15.604.866	103.216.167	112.488.023	108.400.631	6.333.010
108.400.631				108.400.631	
	10.804.866	31.485.767	41.237.623		1.053.010
	4.800.000	68.730.400	68.250.400		5.280.000
		3.000.000	3.000.000		
	693.750.000	22.985.983.199	23.679.733.199		
		22.985.983.199	22.985.983.199		
	693.750.000		693.750.000		
108.400.631	709.354.866	23.089.199.366	23.792.221.222	108.400.631	6.333.010

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả người lao động

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
774.593.366	969.142.260
774.593.366	969.142.260

15. PHẢI TRẢ KHÁC

a- Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn

- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nguyễn Huy Hoàng

- Công ty TNHH Thiết bị nhà bếp Bách Hợp

- Chi Cục Thuế Quận Tân Phú - chậm nộp tiền thuê đất

- Liên hiệp HTX TM Thành Phố (Tiền lãi vay)

- Liên hiệp HTX TM Thành Phố (Tiền KLN đã nhận thừa)

- Công ty Vietnam Enterprise Limited (Phải trả lãi vay) (# 995,962.96 USD)

b- Phải trả dài hạn khác

* Phải trả dài hạn khác

- Liên Hiệp HTX Thương Mại Thành Phố (Saigon Coop)

- Công ty TNHH Thẻ Thao Việt Đô (Tiền cọc thuê mặt bằng)

* Phải trả dài hạn khác là các bên liên quan

- Công ty Cổ Phần Dệt Quốc Tế Thăng Lợi

- Công ty Cổ Phần Sợi Quốc Tế Thăng Lợi

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
30.364.708.864	29.471.555.531
9.330.000	
15.000.000	15.000.000
20.000.000	20.000.000
471.345.000	471.345.000
3.507.960.733	2.803.410.733
3.712.794.680	3.712.794.680
22.628.278.451	22.449.005.118
1.560.000.000	9.390.000.000
410.000.000	410.000.000
400.000.000	400.000.000
10.000.000	10.000.000
1.150.000.000	8.980.000.000
300.000.000	300.000.000
850.000.000	8.680.000.000
31.924.708.864	38.861.555.531

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
209.840.824	209.840.824
209.840.824	209.840.824



Địa chỉ: Số 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Năm 2016

a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

- b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu
- Vốn góp của công ty mẹ
- Vốn góp của các đối tượng khác

Cône

Tỷ lệ	Số lượng (CP)	Số cuối năm	Số đầu năm
72,8%	41.141,900	411.419.000.000	411.419.000.000
27,2%	15.358,100	153.581.000.000	153.581.000.000
100%	56.500,000	565.000.000.000	565.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	565.000.000.000	565.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	565.000.000.000	565.000.000.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>		

d/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	56.500.000	56.500.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	56.500.000	56.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	56.500.000	56.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.500.000	56.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	56.500.000	56.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Ngoại tệ các loại		
- USD	640.94	654.14
Cộng	640.94	654.14

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.435.498.282	58.057.239.926
Cộng	75.435.498.282	58.057.239.926

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác)	41.369.911.898	51.275.459.867
Cộng	41.369.911.898	51.275.459.867

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	300.115.336	130.905.476
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(199.309.091)	2.582.240.000
- Lãi do bán chứng khoán đầu tư	3.550.000.000	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	268.918.741	363.369
- Lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		433.690
Cộng	3.919.724.986	2.713.942.535

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Chi phí lãi vay
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lỗ từ đầu tư

Cộng

Năm nay	Năm trước
719.988.356	703.340.410
	740.678.237
448.183.409	756.931.849
7.625.380.000	
8.793.551.765	2.200.950.496

5. THU NHẬP KHÁC

- Thu nhập từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản
- Thu nhập xử lý công nợ các năm trước
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
9.535.858.676	(75.086.062.623)
30.000.000	1.264.986.715
1.037.157.456	365.106.447
10.603.016.132	(73.455.969.461)

6. CHI PHÍ KHÁC

- Chi phí bị loại trừ khi QI thuế
- Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
137.000.000	20.000.000
3.500.000.000	88.020.594
3.637.000.000	108.020.594

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

*- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý
- Thuế và lệ phí (*)
- Dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
4.511.500.456	4.928.854.727
6.661.585.142	13.305.041.042
23.068.155.999	23.072.794.399
1.312.320.248	923.177.347
1.125.716.597	736.736.377
36.679.278.442	42.966.603.892

Ghi chú (*): Trong đó, chi phí thuế đất là 22.765.489.632 đồng

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
4.511.500.456	4.928.854.727
6.661.585.142	13.305.041.042
1.312.320.248	923.177.347
24.193.872.596	23.809.530.776
36.679.278.442	42.966.603.892

9. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Năm nay	Năm trước
	88.060.000
	88.060.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

10. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ	Năm nay	Năm trước
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	(521.502.705)	(109.235.821.849)
b- Các khoản điều chỉnh tăng	362.100.000	857.500.000
- Chi phí không hợp lệ	362.100.000	77.820.000
- Giảm khoản cổ tức được nhận của năm trước		779.680.000
c- Các khoản điều chỉnh giảm		2.582.240.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia		2.582.240.000
d- Tổng thu nhập chịu thuế (d = a+b-c)	(159.402.705)	(110.960.561.849)
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(159.402.705)	(110.960.561.849)
e- Thuế TNDN phải nộp		
f- Thuế TNDN được miễn giảm		
g- Thuế TNDN còn phải nộp		
h- Lợi nhuận sau thuế TNDN (h = a-g)	(521.502.705)	(109.235.821.849)

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(521.502.705)	(109.235.821.849)
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(521.502.705)	(109.235.821.849)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trung kỳ	56.500.000	56.500.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(9)	(1.933)

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG**1- Giao dịch giữa các bên liên quan:**

Một số nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ Phần Dệt Quốc Tế Thăng Lợi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ (Tiền điện, nước, DV khác, MBNX)	5.615.877.302
Công ty Cổ Phần Sợi Quốc Tế Thăng Lợi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ (Tiền điện, nước, DV khác, MBNX)	55.988.492.505
Công ty Cổ Phần May Quốc Tế Thăng Lợi	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ (Tiền điện, nước, DV khác, MBNX)	2.181.754.992
Công ty TNHH Đầu Tư Địa Ốc Điện Phước Long	Công ty mẹ	Trả tiền vay ngắn hạn	76.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Tại ngày kết thúc năm tài chính 2016, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Các khoản phải thu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên kết	20.462.400.000	
Công ty Cổ Phần Sợi Quốc Tế Thắng Lợi	20.462.400.000	
Công ty cùng tập đoàn	389.840.000	
Công ty Cổ Phần May Quốc Tế Thắng Lợi	389.840.000	
Công ty mẹ	290.900.000.000	
- Công ty TNHH Dầu Tư Địa Ốc Điền Phước Long	290.900.000.000	
Cộng	311.752.240.000	

Các khoản phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên kết	1.542.000.000	9.545.029.592
Công ty Cổ Phần Dệt Quốc Tế Thắng Lợi	692.000.000	865.029.592
Công ty Cổ Phần Sợi Quốc Tế Thắng Lợi	850.000.000	8.680.000.000
Công ty cùng tập đoàn	430.000.000	606.000.000
Công ty Cổ Phần May Quốc Tế Thắng Lợi		176.000.000
Công ty Cổ Phần Dầu Tư Phát Triển Quốc Tế Thắng Lợi	430.000.000	430.000.000
Cộng	1.972.000.000	10.151.029.592

2- Về báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**Các nhân tố rủi ro tài chính:**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do xuất khẩu và có đảm bảo bằng đồng ngoại tệ tại thời điểm bán hàng và xác định công nợ nên việc rủi ro về tỷ giá ngoại tệ được bù đắp.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất thấp và cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thương áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Các khách hàng của công ty chủ yếu là các Công ty có khả năng tài chính ổn định, những khách hàng nhỏ, lẻ việc thanh toán theo phương thức thanh toán ngay trước khi giao hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Trong năm không phát sinh các khoản phải thu khó đòi. Tuy nhiên cũng có một số công ty phát sinh công nợ từ những năm trước đến nay vẫn chưa đòi được vì các đối tác đó thay đổi ban lãnh đạo, các khoản thu này được xác định là rất khó đòi được trong năm nay, có thể sẽ phải dùng các biện pháp mạnh hơn thì mới thu hồi được.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

VIII. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh đã được điều chỉnh do trong năm 2016 đơn vị có phát sinh Tài sản cố định đã bán của những năm trước bị bán lại theo Biên bản thỏa thuận số 107/TTC-TC-08 ngày 29/12/2015 giữa 2 Công ty Cổ Phần Dệt May Thắng Lợi và Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Thắng Lợi và một khoản doanh thu cho thuê đất bị truy thu theo Quyết định của Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 8/8/2016.

Theo đó, các điều chỉnh đã được thực hiện cho số dư đầu năm các tài khoản ảnh hưởng như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01/01/2016 (Báo cáo tài chính được kiểm toán trước điều chỉnh)	Số liệu điều chỉnh	01/01/2016 (Sau điều chỉnh)
TÀI SẢN			
Thuế GTGT được khấu trừ		9.151.675.014	9.151.675.014
Tài sản cố định hữu hình	19.561.150.285		25.911.761.340
- Nguyên giá	207.064.579.743	57.672.626.822	264.737.206.565
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-187.503.429.458	-51.322.015.767	-238.825.445.226
NGUỒN VỐN			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.604.866	693.750.000	709.354.866
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-161.720.773.291		-244.063.912.238
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	-134.828.090.387		-134.828.090.387
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	(26.892.682.904)	(82.343.138.945)	-109.235.821.849

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01/01/2016 (Báo cáo tài chính được kiểm toán trước điều chỉnh)	Số liệu điều chỉnh	01/01/2016 (Sau điều chỉnh)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.403.277.570	6.563.326.322	42.966.603.892
Thu nhập khác	2.323.843.162	(75.779.812.623)	(73.455.969.461)
Chi phí khác	108.020.594		108.020.594
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(26.892.682.904)	(82.343.138.945)	(109.235.821.849)

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Người lập biên
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng

Nguyễn Mạnh Thông